



元培醫事科技大學

108學年度 新南向專班申請入學簡章

Trường đại học Công nghệ Y dược
Yuanpei
Chương trình hợp tác đào tạo chuyên ban
dành cho sinh viên quốc tế
Năm học 2019~2020

Địa chỉ : No. 306, Yuanpei Street, Hsinchu 30015, Taiwan, R.O.C.

Website : <https://eng.ypu.edu.tw/>

Tel : +886-3-6102405

Fax : +886-3-6102214

申請時程
Thời gian đăng ký

秋季班(2019年9月入學)

Kỳ mùa thu (Khai giảng tháng 9 năm 2019)

日期 Dates	工作項目 Events
2019 年 6 月 5 日至 7 月 31 日 5/6/2019~31/7/2019	報名繳件 Nộp đơn đăng ký
2019 年 8 月 16 日 16/8/2019	公告錄取名單 Thông báo danh sách trúng tuyển
2019 年 8 月 23 日 23/8/2019	寄發入學通知 Gửi thông báo nhập học
2019 年 9 月(依行事曆公告) Tháng 9/2019	註冊入學 Nhập học

目錄 / Nội dung

一、學校簡介 / Giới thiệu về trường đại học Yuanpei.....	3
二、申請資格 / Đối tượng tuyển sinh.....	3
三、申請期限 / Thời hạn đăng ký.....	5
四、申請方式 / Phương thức đăng ký.....	5
五、申請應繳交資料 / Tài liệu cần nộp.....	5
六、其他申請注意事項 / Lưu ý khi ứng tuyển.....	7
七、招生系所及招生名額 / Đơn vị tuyển sinh và số lượng tuyển sinh.....	9
八、報到 / Nhập học.....	9
九、學雜費標準 / Học phí và tạp phí.....	10
十、住宿與生活費 / Ký túc xá và chi phí sinh hoạt.....	10
十一、保險 / Bảo hiểm	11

附表一 申請表

Attachment 1 Đơn đăng ký

附表二 切結書

Attachment 2 Bản cam kết

附表三 繳交資料檢核表

Attachment 3 Bản xác nhận số chứng từ cần nộp

元培醫事科技大學 108 學年度新南向專班入學簡章
Đại học công nghệ y tế Yuanpei
Hướng dẫn tuyển sinh cho sinh viên thuộc các quốc gia Đông Nam Á
Năm học 2019

一、學校簡介 / About Yuanpei University of Medical Technology

元培醫事科技大學為醫藥健康產業培育所需人才，擁有台灣最齊全的醫護福祉與健康及產業管理科系，貼近台灣高齡化社會所需人力需求。在企業最愛大學人才調查中，生命科學、生物資源與醫護衛生類在公私立大學中名列前茅，學生只要進入元培就等於具備就業競爭力。

元培已從台灣第一所醫事技術專門學校，發展為大健康產業科技與管理的專業大學，元培為學生提供所需要就業的各種學習和準備，除基本專業知識更兼顧理論與實務，提供學生至各大醫院及業界的海內外實習與見習，目前學校與企業策略聯盟及建教合作廠商有 500 多家，是全台與生醫相關企業簽約最多的學校。發展策略中以推動國際整合性研究與跨領域的產學合作，積極參與全球社區發展活動，期望元培成為卓越創新的國際化大學。

Đại học Công nghệ Y dược Yuanpei (YUMT) nổi tiếng là một trong những trường đại học tốt nhất Đài Loan trong ngành y tế và chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng nhân tài có nhu cầu cao do dân số Đài Loan già. Các chuyên ngành về khoa khoa học đời sống và tài nguyên sinh học y tế của YUMT rất phát triển vì sinh viên có tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp và có mức thu nhập cao nhờ trình độ chuyên môn cao về kỹ năng.

Là trường đại học đầu tiên của Đài Loan chuyên về công nghệ y tế, YUMT đã phát triển từ một trường dựa trên sự nghiệp thành một trường đại học được Bộ giáo dục Đài Loan công nhận cung cấp bằng cử nhân và bằng cấp sau đại học về X quang, quản lý chăm sóc sức khỏe, công nghệ y tế và điều dưỡng. Chúng tôi đã đào tạo và đào tạo hàng ngàn chuyên gia hiện là trụ cột của ngành y tế và chăm sóc sức khỏe Đài Loan.

Sinh viên tại YUMT có thể tiếp cận nhiều cơ hội đào tạo và thực tập. Có hơn 500 chương trình để lựa chọn, cho phép sinh viên của chúng tôi kết hợp việc học trên lớp với kinh nghiệm làm việc thực tế. Bằng cách tham gia vào một hoặc nhiều chương trình hợp tác chiến lược có sẵn, học sinh của chúng tôi vinh dự được làm việc với nhiều người hỗ trợ y tế và liên quan đến sức khỏe tốt nhất thế giới. Tầm nhìn của chúng tôi là được quốc tế công nhận là một trường đại học xuất sắc và đổi mới.

二、申請資格 / Eligibility

1. 符合以下列資格者，得以國外學生身分申請入學：

Sinh viên quốc tế đáp ứng các quy định sau đây có thể đăng ký nhập học:

(1) 具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時不具僑生身分者：

Một cá nhân có quốc tịch nước ngoài, người không có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc (R.O.C.) và không có tư cách sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài tại thời điểm nộp đơn;

(2) 具外國學籍，於申請時已連續居留海外6年以上(計算至2019年8月1日)並符合下列規定者：

Một cá nhân có quốc tịch nước ngoài, đã ở nước ngoài liên tục không dưới 6 năm (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2019), và cũng đáp ứng các yêu cầu sau:

(I) 申請時兼具中華民國國籍者，應自始在臺未設有戶籍：

Các cá nhân có nước ngoài và quốc tịch Trung Quốc nhưng không đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan tại thời điểm đăng ký.

- (II) 申請前兼具中華民國國籍者，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時(計算至2019年8月1日)已滿8年：

Các cá nhân có quốc tịch nước ngoài đã từng giữ R.O.C. quốc tịch nhưng không đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan theo quy định của Bộ Nội vụ trong ít nhất 8 năm (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2019).

- (III) 前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發：

Đối với các cá nhân được đề cập trong 2 điều trên, không được học ở Đài Loan với tư cách là một sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài và cũng không nhận được sự cho phép sắp xếp trong cùng năm của Ủy ban tuyển sinh Đại học dành cho sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài.

依教育合作協議，由外國政府、機構或學校遴薦來臺就學之外國國民，其自始未曾在臺設有戶籍者，經主管教育行政機關核准，得不受前二項規定之限制。

Theo Thỏa thuận khung hợp tác giáo dục, một công dân nước ngoài được chính phủ, tổ chức hoặc trường học nước ngoài lựa chọn và chưa bao giờ đăng ký hộ khẩu kể từ khi sinh ra không phải chịu những hạn chế như quy định trong 2 đoạn trước. sau khi nhận được sự chấp thuận từ các cơ quan chính quyền giáo dục.

- (3) 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者。

Người nộp đơn có quốc tịch nước ngoài, đồng thời thường trú tại Hồng Kông hoặc Macao, không có hồ sơ hộ khẩu tại Đài Loan và tại thời điểm nộp đơn, đã cư trú tại Hồng Kông, Macao hoặc nước ngoài khác dưới 6 năm đủ điều kiện để đăng ký nhập học theo các quy định này.

- (4) 曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者。

Người nộp đơn là cựu công dân Trung Quốc đại lục và có quốc tịch nước ngoài, không có hồ sơ hộ khẩu tại Đài Loan và tại thời điểm nộp đơn, đã cư trú ở nước ngoài liên tục không dưới 6 năm đủ điều kiện để đăng ký nhập học theo quy định.

第(2)、(3)、(4)項所稱海外，指大陸地區、香港及澳門以外之國家或地區；所稱連續居留，指外國學生每曆年在國內停留期間未逾一百二十日。但符合下列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入海外居留期間計算：
Thuật ngữ liên tục cư trú ở nước ngoài liên tục, có nghĩa là một cá nhân có thể ở lại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm. Các ngoại lệ duy nhất cho phương pháp tính toán này là dành cho những người thực hiện một trong các yêu cầu sau với bằng chứng hỗ trợ bằng văn bản:

- (I) 就讀僑務主管機關舉辦之海外青年技術訓練班或教育部認定之技術訓練專班。

Đã tham gia các khóa đào tạo thanh thiếu niên ở nước ngoài do Hội đồng đồng hương ở nước ngoài tổ chức hoặc các lớp đào tạo kỹ thuật được công nhận bởi Bộ Giáo dục;

- (II) 就讀教育部核准得招收外國學生之各大專校院華語文中心，合計未滿二年。

Đã từng theo học tại một trung tâm tiếng Hoa tại một trường đại học / cao đẳng nơi tuyển dụng sinh viên nước ngoài được Bộ Giáo dục chấp thuận và tổng thời gian lưu trú là dưới 2 năm;

- (III) 交換學生，其交換期間合計未滿二年。

Sinh viên trao đổi, có thời gian trao đổi ít hơn 2 năm.

- (IV) 經中央目的事業主管機關許可來臺實習，實習期間合計未滿二年。

Thực tập tại Đài Loan đã được cơ quan chính quyền trung ương ủy quyền phê duyệt, với tổng thời gian lưu trú dưới 2 năm.

- 2.除上述之報考資格外，申請學士班者須具高中學歷或具有與我國學制相當之同等學力資格，且申請人畢業學校須為我國教育部認可或當地國政府權責機關或專業評鑑團體認可，符合教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定之學校或我國政府立案之學校。(教育部認可學校，請參考教育部國際文教處網站「外國大學參考名冊」)

Ứng viên có bằng tốt nghiệp trung học đủ điều kiện để đăng ký học đại học tại Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei. Bằng cấp của thí sinh ứng tuyển phải phù hợp với quy định chứng thực bằng cấp của nước ngoài do Bộ giáo dục Đài Loan quy định. Nếu không, ứng dụng sẽ không được chấp nhận. (Vui lòng tham khảo trang web <http://www.edu.tw/bicer/>.)

畢業年級相當於臺灣高級中等學校二年級或香港、澳門地區同級同類學校畢業生得申請本校學士班，並應在規定之修業期限內增加其應修畢業學分數12學分。

Những người đã hoàn thành việc học tại một trường trung học tương đương ở nước ngoài hoặc Hồng Kông / Ma Cao tương đương với trường trung học phổ thông ở Đài Loan có thể đăng ký chương trình đại học tại Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei và trường sẽ tăng 12 tín chỉ tốt nghiệp.

三、申請期限 / Hạn chót nộp đơn

秋季班：2019年6月5日至7月31日(2019年9月入學)

Kỳ mùa thu bắt đầu từ ngày 5 tháng 6 đến ngày 31 tháng 7 năm 2019 (nhập học vào tháng 9 năm 2019)

四、申請方式 / Nộp hồ sơ

採通訊報名 / Tất cả các tài liệu cần thiết phải được gửi qua thư đăng ký trước thời hạn nộp đơn.

申請文件請郵寄至：

30015 新竹市元培街306號

元培醫事科技大學教務處註冊組收(信封上請註明「外國學生申請入學」)

Gửi thư đến:

Registration Division, Office of Academic Affairs

Yuanpei University of Medical Technology

No. 306, Yuanpei Street,

Hsinchu 30015,

Taiwan, R.O.C.

* Ghi rõ “Application for International Students Admission” trên phong bì.

五、申請應繳交資料 / Hồ sơ yêu cầu

- 1.入學申請表(附貼二吋半身脫帽照片)。

Mẫu đơn đăng ký (có ảnh 2 inch đính kèm, ảnh nên được chụp trong 6 tháng qua).

- 2.經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構(以下簡稱駐外館處)驗證，或由原修業學校提出(密封逕寄本校)之外國學校最高學歷或同等學力證明文件及歷年成績單(中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本)。

Bản sao chính thức của bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp được cấp và bằng điểm chính

thức của tất cả các năm (được dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh và được xác nhận bởi phòng văn hóa và kinh tế Đài Bắc tại địa phương).

(I) 大陸地區學歷：應依大陸地區學歷採認辦法規定辦理。

Chứng chỉ học tập tại Trung Quốc đại lục: Các quy định quản lý việc công nhận các bằng cấp/chứng chỉ ở Trung Quốc đại lục sẽ được áp dụng.

(II) 香港或澳門學歷：應依香港澳門學歷檢覈及採認辦法規定辦理。

Chứng chỉ học tập từ Hồng Kông hoặc Macao: Phương pháp xác minh và công nhận bằng cấp/chứng chỉ tại Hồng Kông và Macao sẽ được áp dụng.

(III) 其他地區學歷：

Chứng chỉ học tập từ các khu vực khác:

(1) 海外臺灣學校及大陸地區臺商學校之學歷同我國同級學校學歷。

Bằng cấp/chứng chỉ được cấp bởi các trường của Đài Loan ở nước ngoài hoặc ở Trung Quốc đại lục sẽ có giá trị tương đương với các trường trong nước.

(2) 前二目以外之國外地區學歷，應依大學辦理國外學歷採認辦法規定辦理。

但設校或分校於大陸地區之外國學校學歷，應經大陸地區公證處公證，並經行政院設立或指定之機構或委託之民間團體驗證。

Thông tin học thuật được đề cập ở 2 mục trước sẽ phải tuân theo Quy định về Đánh giá và Công nhận bằng cấp/chứng chỉ nước ngoài cho các Tổ chức Giáo dục Đại học. Tuy nhiên, bằng cấp/chứng chỉ được cấp từ các trường học hoặc tổ chức giáo dục của nước ngoài được thành lập ở Trung Quốc đại lục sẽ yêu cầu công chứng tại Trung Quốc đại lục và được xác minh và kiểm tra bởi văn phòng đại diện của Đài Loan.

3. 切結書。

Bản cam kết.

4. 經金融機構驗證具備足夠在台就學第一年前6個月之財力證明書 (若文件為中華民國(台灣)機關行號所具，則免驗證)。

Chứng minh tài chính cho thấy đủ khả năng chi trả trong 6 tháng đầu tiên học tại Đài Loan. Chứng minh tài chính phải được chứng thực bởi đại diện của Bộ ngoại giao của Đài Loan.

5. 護照影印本或其他國籍證明文件。

Bản copy hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh quốc tịch.

6. 其他系要求文件

Ngoài ra, thí sinh có thể phải nộp một số văn bản/chứng từ khác tùy theo yêu cầu của khoa.

7. 健保費

Phí bảo hiểm y tế.

六、其他申請注意事項 / Những lưu ý quan trọng cho người nộp đơn

1. 報名大學部者須具有相當於中華民國高級中學授予之畢業證書。

Thí sinh đăng ký cho các chương trình đại học phải có bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông.

2. 如因表件不全、資格不符或逾期而延誤報名者，概由考生自行負責；報名繳交之報名資料、證件影本，一經繳交後，不得要求更改，並一概不予退還。

Đại học Công nghệ Y được Yuanpei không chịu trách nhiệm do hồ sơ nộp muộn, tài liệu không đầy đủ hoặc không đủ bằng chứng về trình độ. Hồ sơ sau khi nộp không được phép thay đổi hoặc sửa chữa, trường hợp sinh viên không trúng tuyển sẽ không trả lại hồ sơ.

3. 如經本校錄取，但無法取得我國外交部核發之學生簽證者，不得辦理註冊入學。

Ứng viên đã được nhận vào Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei mà không được cấp visa do Bộ Ngoại giao Trung Quốc (Đài Loan) cấp sẽ không được phép nhập học.

4. 如經註冊入學後，於就學期間許可在臺初設戶籍登記、戶籍遷入登記、歸化或回復中華民國國籍，即喪失外國學生身分，予以退學。

Ứng viên nộp đơn xin quốc tịch tại Đài Loan sẽ mất tư cách sinh viên quốc tế và sẽ bị tước tư cách là sinh viên của Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei.

5. 本簡章若有未盡事宜，依相關法令規定及本校招生委員會決議辦理。

Nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh mà không được đề cập trong cuốn sổ tay này, chúng sẽ được thảo luận và theo dõi bởi Ủy ban tuyển sinh của Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei.

6. 本簡章中英文版本如有出入時，以中文版為準。

Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa phiên bản tiếng Việt và tiếng Trung, phiên bản tiếng Trung sẽ được áp dụng.

7. 專班學生一經錄取入學，如無法適應逕予退學；不得因任何理由申請轉系轉班。

Đối với sinh viên chuyên ban, sau khi nhập học nếu không thể theo học hệ chuyên ban buộc phải làm thủ tục thôi học, không được phép đăng ký chuyển khoa/chuyên ngành hoặc chuyển hệ.

8. 外國學生於申請時無須繳交健康檢查報告，經接獲本校錄取通知後，請依據「入出國及移民法」及「外國人停留居留及永久居留辦法」規定，於註冊時繳交外國人士健康檢查證明應檢查項目表，及本校新生入學體檢報告。

Sinh viên quốc tế nhập học không phải nộp kèm giấy khám sức khỏe, sau khi nhập học, sinh viên thực hiện đăng ký giấy phép cư trú và nộp giấy khám sức khỏe tại thời điểm đăng ký. Ngoài ra, sinh viên phải hoàn thành bài kiểm tra y tế của Đại học Yuanpei cho các sinh viên mới và nộp cùng với mẫu đăng ký.

- (1) 外國人士健康檢查證明應檢查項目表，應於入境前於當地醫院進行檢查，檢查表需經駐外辦事處簽可。

Giấy khám sức khỏe nên được hoàn thành trước khi sinh viên đến Đài Loan. Báo cáo sức khỏe phải được xác nhận bởi một cơ quan ở nước ngoài của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan)

- (2) 本校新生入學體檢報告，規定檢查項目均應辦理檢查不可缺漏，錄取生可選擇於外國當地醫院進行檢查並經我國駐外館處驗證或於註冊時繳交基本體檢費新台幣1200元，委託本校於入學後辦理體檢。

Báo cáo sức khỏe của sinh viên mới, theo quy định báo cáo sức khỏe phải được hoàn thành tất cả các mục, sinh viên có thể lựa chọn khám sức khỏe tại các bệnh viện ở địa phương và phải được công chứng bởi văn phòng Đài Bắc tại Việt Nam hoặc khi nhập học nộp 1,200 NTD phí khám sức khỏe và tiến hành khám sức khỏe tại trường.

- (3) 上述健康檢查報告必須是6個月內之體檢報告方為有效。

Tất cả các báo cáo y tế phải được thực hiện trong vòng 6 tháng kể từ khi nhập học.

- (4) 其他有關健康檢查事宜，請洽詢本校健康管理中心王小姐，聯絡電話：+886-3-6102249。

Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với cô Wang theo số + 886-3-6102249 tại Trung tâm Y tế của Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei.

※註：經檢查或檢驗人類免疫缺乏病毒抗體之檢驗報告結果呈陽性反應者，申請人不得入學。

就學期間發現檢驗人類免疫缺乏病毒抗體之檢驗報告結果呈陽性反應者，依據法令應通知外交部或內政部撤銷或廢止其簽證或停留、居留許可並令其出國（境）。

P.S.: Nếu sinh viên có kết quả dương tính của xét nghiệm hoặc báo cáo xét nghiệm tìm kháng thể HIV sẽ dẫn đến việc từ chối nhập học. Trong quá trình duyệt hồ sơ, nếu sinh viên được chứng nhận là dương tính với HIV, trường đại học sẽ thông báo cho Bộ Ngoại giao hoặc Bộ Nội vụ thu hồi hoặc hủy bỏ thị thực hoặc giấy phép cư trú của anh ta / cô ta và yêu cầu anh ta / cô ta bị trục xuất khỏi Đài Loan.

9. 學生於註冊時，應檢附於國外投保自入境當日起至少六個月，並經駐外館處認證且得於中華民國(台灣)使用之健康保險。(國際學生在台滿六個月後可加入全民健保)

Sinh viên quốc tế phải tự mua bảo hiểm y tế trong sáu tháng đầu tiên ở Đài Loan cho đến khi họ đủ điều kiện tham gia chương trình Bảo hiểm Y tế Quốc gia.

10. 報名時繳交之「畢業證書」，除海外臺灣學校及華僑學校所發者外，應依教育部「國外學歷查證認定作業要點」規定辦理。

Bằng tốt nghiệp nộp để xem xét đơn sẽ được Bộ Giáo dục xác nhận, ngoại trừ các văn bằng được cấp bởi các trường học Đài Loan hoặc Trung Quốc ở nước ngoài.

11. 外國學生經入學學校以操行、學業成績不及格或因犯刑事案件經判刑確定致遭退學者，不得再依本規定申請入學。如有違反，經查證屬實者，撤銷其所獲准之入學資格或開除學籍。

Sinh viên sau khi nhập học nếu vi phạm kỷ luật hoặc kết quả học tập không đạt hoặc vi phạm pháp luật Đài Loan, sẽ bị buộc thôi học và không được tiếp tục đăng ký nhập học tại đại học Yuanpei.

12. 須辦理變更簽證者，請逕洽詢外交部領事事務局（台北市濟南路一段2-2號3-5樓，聯絡電話：+886-2-23432888轉6）及新竹市警察局外事課（新竹市中山路1號，聯絡電話：+886-3-5242103）。

Để thay đổi tình trạng thị thực, xin vui lòng liên hệ với các văn phòng sau đây:

(1) Cục lãnh sự, Bộ Ngoại giao (3-5F, No. 2-2, Sec. 1, Jinan Rd., Taipei City 100, Taiwan (R.O.C.). TEL: +886-2-23432888 ext. 6)

(2) Văn phòng cảnh sát thành phố Hsinchu (No. 1, Zhongshan Rd., Hsinchu City TEL: +886-3-5242103)

13. 已報名或錄取之學生，如經發現申請資格不符規定或所繳交之證件有變造、偽造假借、冒用等不實情事者，未入學前即取消錄取資格；已入學者開除學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除勒令繳銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。

Nếu văn phòng cảnh sát thành phố Hsinchu chứng minh, việc giả mạo bằng cấp hoặc giấy tờ liên quan sẽ dẫn đến việc hủy ngay lập tức quyết định nhập học và hủy bỏ tư cách sinh viên tại Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei.

七、招生系所及招生名額 / Chương trình học và chỉ tiêu tuyển sinh

1. 招生名額 / Chỉ tiêu tuyển sinh

招生名額 Chỉ tiêu tuyển sinh	學士班每班招收40人 Cử nhân đại học 40 người
-----------------------------	--

2. 招生系所/Academic Program

院別 Chuyên ngành	系所別 Khoa	學制 Chương trình	審查方式 Phương thức đánh giá	招收國家 Phạm vi tuyển sinh
醫護學院 Chuyên ngành công nghệ y tế và điều dưỡng	視光系 Kiểm định thị lực	四年制 學士班 Cử nhân đại học 4 năm	口試及書面審查100% Phòng vấn trực tiếp/quá video và hồ sơ xin học 100%	越南 (華語授課) Việt Nam (Chương trình tiếng Trung)

3. 有關課程等相關問題，請逕洽各系所，本校國際交流暨合作中心電話號碼:+886-3-6102308。

Để được giải đáp thêm về chương trình giảng dạy của các chương trình cụ thể, vui lòng liên hệ với bộ phận cụ thể hoặc gọi cho Trung tâm Hợp tác và Trao đổi Quốc tế về Công nghệ Y tế Yuanpei theo số 886-3-6102308.

八、報到 / Enrollment for new students

1. 錄取生應依入學通知書之規定辦理報到註冊手續，並繳驗護照、畢業證書或同等學力證明文件及成績單，始得註冊入學。逾期未報到註冊者，取消入學資格。

Để đăng ký, tất cả các sinh viên được nhận phải tuân theo các quy tắc đăng ký của Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei. Thông tin hộ chiếu, bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tương đương, và bản sao bảng điểm, được xác nhận / niêm phong chính thức bởi Trung Quốc (Đài Loan) phải được nộp cho Văn phòng giáo vụ Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei trước ngày đăng ký. Ứng viên không hoàn thành đăng ký trước ngày được chỉ định sẽ mất tư cách sinh viên Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei.

2. 經錄取學生註冊入學後，其學分抵免悉依本校「學生抵免學分辦法」辦理。Sau khi đăng ký, việc xác minh chuyển tiếp tín chỉ từ các trường cao đẳng / đại học khác sẽ được quyết định theo quy định chuyển đổi tín chỉ của trường đại học.

九、學雜費標準 / Tuition and Miscellaneous Fees

本校學雜費收費標準尚未定案，僅提供107學年度學期學雜費收費標準（如下表）作參考。

Tín chỉ thực tế sinh viên khoa Kiểm định thị lực phải hòa thành như sau

院別 Chuyên ngành	系所別 Khoa	畢業學分 Tổng tín chỉ	學雜費 Học phí & Khoản phí khác (NT\$)
醫護學院 Chuyên ngành công nghệ y tế và điều dưỡng	視光系 Kiểm định thị lực	128	54,050

備註：學雜費不含電腦及網路資源使用費、平安保險費。

Note:

Học phí và tạp phí ở trên không bao gồm phí sinh hoạt và một số chi phí bắt buộc khác. (Chẳng hạn như bảo hiểm sinh viên, bảo hiểm y tế, ký túc xá, phí sử dụng internet, v.v.)

十、住宿與生活費 / Housing and Living Expenses

1. 標準宿舍房間為2人一間或單人房。

Ký túc xá: gồm phòng đơn và phòng đôi

2. 生活費一個月約需新台幣 5,000~6,000 元。

Chi phí sinh hoạt dao động từ NT\$5,000 to 6,000 một tháng.

108 學年度住宿費用估計 / Estimated Housing and Living Expenses in 2019-2020

每學期住宿費用(以108學年度第1學期為例)

Chi phí ký túc xá và sinh hoạt (Dựa trên số liệu cho học kỳ đầu tiên của năm học 2019)

項目 / Item	新台幣 / NT \$
學校宿舍 / Ký túc xá trong trường	NT\$10,500 ~ 18,500
校外租屋 / Sinh viên tự thuê	NT\$18,000 ~ 30,000
生活費 / chi phí sinh hoạt	NT\$30,000 ~ 36,000

註：1. 學生進住及搬離宿舍的時間均依照學校行事曆之時程。校外住宿通常以六個月為期。

2. 個人生活費用不包括衣服、娛樂、旅行及交通等費用。

上述費用的估計以108學年度(2019-2020)進行評估，花費視個人的差異而定。

Note：1. Thời gian sinh viên lưu trú tại ký túc xá tính theo lịch học của sinh viên trong kỳ (không bao gồm nghỉ hè và nghỉ tết), đối với sinh viên không lưu trú tại ký túc xá, thường tính 6 tháng 1 kỳ.

2. Các chi phí sinh hoạt nêu trên không bao gồm quần áo, giải trí, đi lại và phí vận chuyển. Chi phí dự kiến phụ thuộc vào nhu cầu sinh hoạt của từng cá nhân.

十一、保險/Bảo hiểm

學生團體保險費Bảo hiểm sinh viên	NT \$190/kì (一學期)
醫療保險費(第一個學期) Bảo hiểm y tế (học kỳ đầu tiên)	NT \$3000/kì (一學期)
全民健康保險(入學後第七個月開始) Bảo hiểm y tế quốc gia (bắt đầu từ tháng thứ bảy nhập học)	NT \$4494/kì (一學期)

1. 學生於註冊時，應檢附於國外投保自入境當日起至少六個月，並經駐外館處認證且得於臺灣使用之健康保險；無法提出者，一律投保醫療保險。
Sinh viên quốc tế trong 6 tháng đầu kể từ ngày nhập học, chưa đủ điều kiện tham gia bảo hiểm Y tế Quốc gia phải mua bảo hiểm y tế cho bản thân (trong sáu tháng đầu tiên ở Đài Loan).
Nếu bảo hiểm được mua ở nước ngoài phải được chứng nhận bởi văn phòng đại diện ở của Đài Loan tại nơi nhà sinh viên mua bảo hiểm. Nếu không thực hiện, tất cả sinh viên sẽ bị bắt buộc bảo hiểm y tế.
2. 國際學生在臺領獲居留證後並連續居住滿六個月，始可加入全民健保。
Để đủ điều kiện đăng ký tham gia Chương trình bảo hiểm y tế quốc gia, sinh viên quốc tế phải có thể cư trú và sau đó sống ở Đài Loan liên tục trong sáu tháng.

附表一 申請表
Mẫu 1 : Đơn đăng ký

請貼上最近2吋照片
Ảnh 2 inch (Kích
thước:1"×2")

元培醫事科技大學入學申請表

Đơn xin nhập học

Đại học Công nghệ Y dược Yuanpei

填寫前請先閱讀申請人注意事項 / Đọc hướng dẫn trước khi điền vào mẫu này.

擬申請就讀系所及學位 / Nguyên vọng đăng ký và học lực

系所 / Khoa	<input type="checkbox"/> 2019年9月入學 Nhập học vào tháng 9/2019
學位 / Bằng cấp	<input type="checkbox"/> 學士 Cử nhân

姓名 (中文) (英文)
Họ tên (Tiếng Trung) (Tiếng Anh)

出生地點 出生日期
Nơi sinh Ngày sinh
(month) / (day) / (year)

性別 國籍
Giới tính Quốc tịch

護照號碼
Số hộ chiếu.

永久住址
Nơi ở hiện tại

郵寄住址 聯絡電話
Địa chỉ liên lạc Điện thoại

電子信箱 手機
E-mail Di động

在中華民國(臺灣)聯絡人
Người liên hệ tại Đài Loan

在中華民國(臺灣)聯絡電話
Số điện thoại của người liên hệ tại Đài Loan

在中華民國(臺灣)通訊處
Địa chỉ của người liên hệ tại Đài Loan

監護人姓名及住址
Thông tin về người thân/người giám hộ hợp pháp

父親姓名 國籍 出生地點
Họ tên Bố Quốc tịch Nơi sinh

住址 聯絡電話
Địa chỉ Điện thoại

母親姓名 國籍 出生地點
Họ tên Mẹ Quốc tịch Nơi sinh

住址 聯絡電話
Địa chỉ Điện thoại

敘明在台研習期間各項費用來源
nguồn tài chính chính của bạn trong quá trình học tại Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei là gì?

☐ 個人儲蓄 Tiết kiệm cá nhân

☐ 獎學金 Học bổng

☐ 父母供給 Hỗ trợ của cha mẹ

☐ 其他 Khác _____

健康情形 Tình trạng sức khỏe ☐ 佳 (tốt)

☐ 尚可 (khá)

☐ 差 (yếu)

如有疾病或缺陷請敘明。 Nếu bạn có bất kỳ vấn đề sức khỏe lớn hoặc khuyết tật thể chất, xin vui lòng mô tả nó.

曾學習中文幾年?

Bạn học tiếng trung bao lâu rồi?

中國語文程度 Trình độ tiếng trung :

聽 Nghe

☐ 優 Xuất sắc

☐ 佳 Tốt

☐ 尚可 Trung bình

☐ 差 Kém

說 Nói

☐ 優 Xuất sắc

☐ 佳 Tốt

☐ 尚可 Trung bình

☐ 差 Kém

讀 Đọc

☐ 優 Xuất sắc

☐ 佳 Tốt

☐ 尚可 Trung bình

☐ 差 Kém

寫 Viết

☐ 優 Xuất sắc

☐ 佳 Tốt

☐ 尚可 Trung bình

☐ 差 Kém

是否參加過中文語文能力測驗? 何種測驗? 級數?

Bạn đã thực hiện bất kỳ bài kiểm tra trình độ tiếng Trung nào chưa? ☐ Có ☐ Chưa

Tên kỳ thi? _____

Chứng chỉ cấp ngày: _____

Trình độ/ Thành tích? _____

教育背景 Quá trình học tập

Danh sách theo thứ tự thời gian mỗi trường trung học / đại học tham dự. Cung cấp điểm trung bình mỗi năm (bắt buộc)

校名 Tên trường	所在地 Địa điểm	就讀期間 Thời gian theo học	主修 Chuyên ngành (chỉ dành cho ứng viên nộp hệ Thạc sĩ)	平均成績 Điểm trung bình hàng năm
		Từ đến		
		Từ đến		
		Từ đến		

以上資料確由本人填寫，並經詳細檢查，保證正確無誤。
Tôi xin cam kết tất cả các thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật.

申請人簽名

日期 (tháng) (ngày) (năm)

Người nộp (ký tên) _____

Ngày tháng / /

◇元培醫事科技大學外國學生切結書Bản cam kết◇

1. 本人保證符合中華民國教育部「外國學生來臺就學辦法」之規定。
Tôi xác nhận rằng tôi đủ điều kiện để đăng ký nhập học với tư cách là sinh viên quốc tế theo Quy định Liên quan đến sinh viên quốc tế Thực hiện nghiên cứu tại Đài Loan, thuộc Bộ Giáo dục, Cộng hòa Trung Quốc (R.O.C.).
2. 本人所提供之最高學歷證明(申請大學部者提出高中畢業證書、申請碩士班者提出大學學位證書), 在畢業學校所在地國家均為合法有效取得畢業資格, 並所持之證件相當於於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。
Bằng tốt nghiệp được cấp bởi tổ chức giáo dục mà tôi tham dự lần cuối là hợp lệ và đã được trao hợp pháp tại quốc gia nơi tôi tốt nghiệp. Chứng chỉ tương đương với chứng chỉ được trao bởi các trường được chứng nhận tại Đài Loan.
3. 本人所提供之所有相關資料(包括學歷、護照及其他相關文件之正本及影本)均為合法有效之文件, 如有不符規定或變造之情事, 經查屬實及取消入學資格, 且不發給任何有關之學分證明。
Tất cả các tài liệu được cung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp, hộ chiếu và các tài liệu liên quan khác, bản gốc hoặc bản sao) là hợp lệ. Nếu bất kỳ tài liệu nào bị phát hiện là không hợp lệ hoặc sai, tôi nhập học vào Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei sẽ bị thu hồi và không có bằng chứng tham dự nào được đưa ra.
4. 本人取得入學許可後, 在辦理報到時, 須繳交經中華民國(台灣)駐外單位或代表處驗證之畢業證書及成績單(認證章)正本, 始得註冊入學, 屆時若未如期繳交或經查證結果有不符中華民國教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」之規定, 即由 貴校取消入學資格, 絕無異議。
Các ứng viên được nhận phải xuất trình bản gốc bằng tốt nghiệp và bảng điểm chính thức được chứng thực bởi văn phòng đại diện của Đài Loan tại quốc gia của nơi cấp bằng. Nếu các chứng chỉ liên quan không thể nộp đúng hạn hoặc không được chấp nhận theo quy tắc xác thực bằng cấp nước ngoài do Bộ Giáo dục ban hành, người ký tên dưới đây sẽ từ bỏ tiêu chuẩn tuyển sinh, mà không có bất kỳ sự phản đối nào.
5. 本人未以「僑生身分」申請進入中華民國國內之其他學校就讀。
Tôi chưa bao giờ nộp đơn xin nhập học vào bất kỳ trường nào trong R.O.C. với tư cách là sinh viên nước ngoài.
6. 本人不曾以外國學生的身分在中華民國完成高中學校學程, 亦未曾遭中華民國國內之大專院校退學。
Tôi xác nhận rằng tôi đã không tham gia chương trình đào tạo trung học ở Đài Loan với tư cách là sinh viên quốc tế, và tôi chưa bao giờ bị buộc thôi học khỏi bất kỳ trường đại học hoặc cao đẳng nào trong R.O.C. .
7. 本人保證不具香港、澳門或中華人民共和國國籍。
Tôi xác nhận rằng tôi không có quốc tịch Hồng Kông, Ma Cao hay Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa .
8. 本人保證自始未曾在臺設有戶籍之個人聲明, 倘查證結果確有在臺設有戶籍者, 其雖已獲入學許可, 但因未符規定, 將撤銷入學許可。
Tôi xác nhận rằng tôi chưa bao giờ đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan. Nếu tôi bị phát hiện vi phạm quy định này sau khi được nhận vào Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei, tôi đồng ý quyền nhập học sẽ bị hủy và tư cách sinh viên của Trường sẽ bị hủy bỏ.

上述所陳之任一事項同意授權 貴校查證, 如有不實或不符規定等情事, 於入學後經查證屬實者, 本人願意接受 貴校註銷學籍處分, 絕無異議。

Tôi ủy quyền cho Đại học Công nghệ Y tế Yuanpei để xác minh thông tin được cung cấp ở trên. Nếu bất kỳ trường hợp nào bị phát hiện là sai sau khi nhập học, tôi không phản đối việc bị tước tư cách sinh viên đã đăng ký.

申請人簽名

Người nộp đơn (Ký tên) _____

日期 (tháng) (ngày) (năm)

Ngày tháng / /

附表三 繳交資料檢核表

Mẫu 3: Danh sách kiểm tra tài liệu đăng ký

元培醫事科技大學新南向專班申請入學檢核表

Đại học công nghệ y dược Yuanpei

Danh sách kiểm tra hồ sơ nhập học cho sinh viên quốc tế

繳交資料紀錄表(申請人務必在勾選欄打✓)

Vui lòng điền vào mẫu bằng cách kiểm tra các mục áp dụng.

申請人 / Người nộp đơn	
欲修讀學位 / Nguyên vọng đăng ký	<input type="checkbox"/> 學士 Cử nhân
欲申請入學學期 / Kỳ học đăng ký	<input type="checkbox"/> Fall 2019 / Kỳ mùa thu 2019

※ 請檢查以下文件連同申請書是否備齊無誤

Vui lòng kiểm tra các tài liệu được đính kèm với mẫu đơn của bạn.

勾選 (✓)	繳交資料項目 Tài liệu cần thiết	份數 Số lượng
	1.入學申請表 Đơn đăng ký	1
	2.畢業證書或同等學力證明文件影印本(附經公證之中文或英文譯本) Bản sao chính thức của văn bằng gốc hoặc chứng chỉ tương đương (bản sao có công chứng được dịch bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc)	1
	3.最高學歷之全部成績中文或英文譯本 Bảng điểm được dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh và được chứng thực bởi văn phòng đại diện của Đài Loan tại nước sở tại.	1
	4.切結書 Bản cam kết	1
	5.經金融機構驗證具備足夠在台就學前6個月之財力證明書 (若文件為中華民國(台灣)機關行號所具, 則免驗證)。 Chứng minh tài chính: chứng minh sinh viên đủ khả năng chi trả học phí trong 6 tháng đầu tiên học tại Đài Loan. Chứng minh tài chính phải được chứng thực bởi văn phòng đại diện của Đài Loan tại nước ngoài.	1
	6.護照影印本或其他國籍證明 Bản sao hộ chiếu hoặc xác minh quốc tịch tương đương khác	1
	7.其他文件 Các tài liệu khác	1